

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Điều chỉnh quy hoạch) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; đảm bảo thống nhất với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; gắn với tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng của cả nước.

2. Phát triển nhanh trên cơ sở phát huy hiệu quả nội lực, thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, có tác động mạnh đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh, nhằm huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển.

3. Kết hợp hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các ngành, các vùng có lợi thế, nâng cao hiệu quả và tạo sức lan tỏa mạnh.

4. Phát triển kinh tế Phú Yên theo hướng mở, liên kết, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, trước hết là liên kết phát triển với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, từng bước kết nối với khu vực Đông Bắc Campuchia.

5. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm nghèo bền vững, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

6. Phát triển kinh tế gắn với sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ tác động thiên tai.

7. Kết hợp giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, tập trung một số ngành, sản phẩm công nghiệp, dịch vụ có hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng cao; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái để tạo sự chuyển biến về chất lượng trong quá trình phát triển. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp; tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, đảm bảo yêu cầu phát triển; nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và chất lượng nguồn nhân lực; thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển văn hóa - xã hội để Phú Yên phát triển nhanh và bền vững, tạo nền tảng vững chắc đưa Phú Yên cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp vào năm 2030, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, môi trường sống được cải thiện; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, quốc phòng, an ninh được tăng cường, vị thế của Phú Yên trong khu vực được nâng cao.

2. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu

a) Giai đoạn 2016 - 2020:

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 9,5%/năm; trong đó: giá trị gia tăng ngành nông - lâm - thủy sản bình quân 3,3%/năm; ngành công nghiệp - xây dựng bình quân 12%/năm; ngành dịch vụ bình quân 10%/năm.

- Cơ cấu kinh tế theo ngành trong GRDP đến năm 2020: Công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 41,2%; dịch vụ 42,2%; ngành nông - lâm - thủy sản chiếm khoảng 16,6%.

- GRDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt khoảng 3.700 USD.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ đến năm 2020 đạt khoảng 200 triệu USD.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 120 - 130 nghìn tỷ đồng.

- Thu ngân sách đến năm 2020 đạt khoảng 8.000 tỷ đồng.

- Tỷ lệ tăng dân số bình quân giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 0,72%/năm.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế đến năm 2020 đạt 70%, trong đó đào tạo có nghề đạt trên 51%.

- Giải quyết việc làm bình quân mỗi năm từ 24 - 25 nghìn lao động. Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế năm 2020 đạt 51%.

- Phân đấu đến năm 2020, tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi có trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương đạt 80%.

- Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa đến năm 2020 đạt trên 95%; tỷ lệ thôn, buôn, khu phố văn hóa đạt 85%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa đạt 97%; 30 -35% dân số thường xuyên luyện tập thể dục thể thao.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt khoảng 38%.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2 - 2,5%/năm, riêng các huyện nghèo giảm bình quân 3 - 4%/năm.

- Tỷ lệ xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới năm 2020 đạt trên 65%, số xã còn lại bình quân đạt trên 10/19 tiêu chí.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2020 đạt 85%. Đến năm 2020 có 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 12%.

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 45%.

- Đến năm 2020, tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh cơ bản đạt 100%; tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch đạt 90%.

- Đến năm 2020, bảo đảm 100% các hộ dân có điện sinh hoạt.

- Duy trì tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%. Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn cơ bản đạt 100%. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị đến năm 2020 đạt 95%.

b) Giai đoạn 2021 - 2030:

- Tốc độ tăng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 từ 8,0%/năm; trong đó: giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 7,5%/năm, dịch vụ tăng bình quân 10,1%/năm; nông - lâm - thủy sản tăng bình quân 2,6%/năm.

- Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2030: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 37,8%; ngành dịch vụ chiếm 53,6 %; ngành nông - lâm - thủy sản chiếm khoảng 8,7%.

- GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 12.500 USD.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ đến năm 2030 đạt khoảng 2 - 2,5 tỷ USD.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 184 nghìn tỷ đồng.

- Thu ngân sách đến năm 2030 đạt khoảng 20.000 tỷ đồng.

- Tỷ lệ tăng dân số bình quân giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 0,71%/năm. Đến năm 2030, dân số tỉnh đạt khoảng 998,7 nghìn người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế đến năm 2030 đạt trên 90%, trong đó đào tạo nghề đạt 65%. Giảm tỷ lệ lao động khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động xuống còn khoảng 30% vào năm 2030.

- Nâng cao tỷ lệ đô thị hóa, đến năm 2030 đạt trên 55%.

- Tỷ lệ xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới năm 2030 cơ bản đạt 100%.

- Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế đến năm 2030 đạt trên 75% và tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế cơ bản đạt 100%.

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2030 đạt 50%.

III. CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ VÀ CÁC TRỌNG ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Các khâu đột phá phát triển

a) Huy động các nguồn lực để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng. Phối hợp và tạo điều kiện để các nhà đầu tư triển khai thực hiện, sớm đi vào hoạt động các dự án du lịch lớn như: Dự án Khu du lịch sinh thái biển đảo cao cấp Sun Rise Phú Yên, dự án Khu du lịch liên hợp cao cấp Newcity Việt Nam, dự án trường đua ngựa Phú Yên có hoạt động kinh doanh cá cược...

b) Thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; đầu tư và phát huy hiệu quả Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

c) Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, chú trọng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo. Tăng cường ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào hoạt động sản xuất, quản lý; khuyến khích áp dụng công nghệ cao trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và quản lý hành chính. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

d) Thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số cải cách hành chính (PI).

2. Các trọng điểm phát triển

a) Trọng điểm về không gian phát triển

- Cụm công nghiệp - dịch vụ phía Đông Nam: Lấy không gian phát triển là Khu kinh tế Nam Phú Yên. Thu hút các dự án công nghiệp lớn đi trước một bước, các dự án về du lịch, dịch vụ hàng hải, logistic...

- Cụm đô thị - dịch vụ trung tâm: Lấy thành phố Tuy Hòa là hạt nhân với chức năng là trung tâm phát triển tổng hợp dịch vụ cho toàn bộ không gian phát triển tỉnh Phú Yên.

- Cụm du lịch - dịch vụ phía Đông Bắc: Phát triển dịch vụ du lịch tổng hợp với đô thị Sông Cầu và vịnh Xuân Đài là trung tâm phát triển.

b) Xác định các cụm ngành

Hình thành các cụm ngành chiến lược phát triển của tỉnh:

- Cụm ngành Du lịch và dịch vụ.
- Cụm ngành Nông - Hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá.
- Cụm ngành Giao thông vận tải - Dịch vụ hậu cần, dịch vụ logistic.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CHỦ YẾU

1. Công nghiệp - xây dựng

- Tập trung đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp được xem là mũi nhọn của Tỉnh như công nghiệp hóa dược; phân bón, phân hữu cơ vi sinh; công nghiệp phụ trợ, công nghiệp năng lượng, năng lượng sạch, cơ khí chế tạo; thiết bị điện tử, thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản. Khuyến khích phát triển công nghiệp theo các hình thức nhóm, chuỗi sản phẩm, từng bước hình thành một số tổ hợp công nghiệp quy mô vừa và lớn. Tăng cường thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản; các dự án nhà ở xã hội.

- Tiếp tục thu hút đầu tư để triển khai Khu công nghiệp Hòa Tâm. Khuyến khích các nhà máy sản xuất dược phẩm, phân bón hiện có tiếp tục đầu tư chiều sâu, đa dạng hóa các sản phẩm đạt các tiêu chuẩn quốc tế; đầu tư mới các nhà máy sản xuất phân vi sinh và các chế phẩm sinh học.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp đã được quy hoạch trong Khu kinh tế Nam Phú Yên, Khu công nghiệp An Phú, Đông Bắc sông Cầu và các khu dân cư phục vụ khu công nghiệp.

- Đầu tư, xây dựng nhà máy điện mặt trời Hoà Hội tại huyện Phú Hoà với công suất 214,16 MW, dự kiến đưa vào vận hành vào năm 2019, trong đó giai đoạn 1 có quy mô công suất 80,31 MW, vận hành vào quý 1 năm 2019, giai đoạn 2 có quy mô công suất 133,85 MW, vận hành vào quý 2 năm 2019.

2. Khu vực dịch vụ

- Thương mại: Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại song song với phát triển hệ thống chợ truyền thống một cách phù hợp. Từng bước phát triển các loại hình tổ chức phân phối hiện đại hàng công nghiệp tiêu dùng (cửa hàng tiện lợi, siêu thị, trung tâm thương mại...) ở các trung tâm huyện và khu vực thành thị. Tiến hành nâng cấp, cải tạo mạng lưới chợ nông thôn theo quy hoạch, nâng cao hiệu quả hoạt động của chợ khu vực nông thôn.

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm phát triển thị trường, tìm kiếm thị trường mới. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu có cơ hội giao thương với các thị trường tiềm năng nhằm tăng cường khả năng xuất khẩu.

- Du lịch: Quan tâm đúng mức tới phát triển du lịch để du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Tập trung đầu tư phát triển du lịch sinh thái biển. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch. Nghiên cứu triển khai các dự án du lịch lớn ở khu vực vịnh Vũng Rô. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai đầu tư phát triển khu du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài trên cơ sở quy hoạch tổng thể đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2017. Liên kết hiệu quả với các tỉnh trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ để hình thành không gian phát triển du lịch cho tỉnh.

- Các dịch vụ khác: Bổ sung loại hình dịch vụ vui chơi giải trí có hoạt động cá cược và chuẩn bị các điều kiện cần thiết theo quy định để triển khai Dự án trường đua ngựa Phú Yên có hoạt động kinh doanh cá cược đua ngựa, đua chó tại xã An Mỹ, huyện Tuy An sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận. Tập trung vào các ngành dịch vụ hỗ trợ tốt cho sản xuất và nâng cao chất lượng sống của người dân, bao gồm: dịch vụ tài chính, ngân hàng; dịch vụ cảng, dịch vụ nghề cá, vận tải biển, logistics lớn, thương mại, giáo dục - đào tạo, y tế; dịch vụ du lịch và dịch vụ công nghệ thông tin, bất động sản.... Đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải biển và vận chuyển khách du lịch, dịch vụ đào tạo; khuyến khích và tạo điều kiện cho các tàu lớn, doanh nghiệp logistics.

3. Nông, lâm, thủy sản và nông thôn

- Điều chỉnh cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, cây trồng có giá trị kinh tế cao, dịch vụ nông nghiệp, nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp với du lịch sinh thái và phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch thân thiện với môi trường. Các lĩnh vực trọng điểm trong nông nghiệp là mía, cao su, bò vàng, cá ngừ đại dương, tôm hùm, một số sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Đối với cây lúa phải đảm bảo tiêu dùng trên địa bàn tỉnh và an ninh lương thực. Triển khai dự án nông nghiệp công nghệ cao Phú Yên, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, là cú huých để tỉnh tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp.

- Xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu nông nghiệp, khu thủy sản ứng dụng công nghệ cao, kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, gắn với chuỗi giá

trị sản xuất đối với các sản phẩm có lợi thế như mía đường, cao su, hồ tiêu, bò vàng, tôm sú, tôm hùm, cá ngừ đại dương, gỗ rừng trồng... Đồng thời duy trì quy mô và phương thức sản xuất đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế đối với các sản phẩm có nhu cầu tiêu dùng như: lúa gạo, mì, thịt heo, thịt - trứng gia cầm, rau - hoa cây cảnh, thủy sản các loại... Chuyển dịch cơ cấu trồng trọt theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn. Duy trì và sử dụng linh hoạt 24.000 ha diện tích đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ chính). Ổn định diện tích trồng mía khoảng 23.000 - 25.000 ha, diện tích sản khoảng 11.000 ha. Phát triển diện tích trồng cây cao su lên 7.000 ha, tập trung ở các huyện Sông Hinh, Sơn Hòa, Đồng Xuân gắn với khai thác chế biến mủ cao su. Từng bước chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung trang trại, gia trại, chuyển dần chăn nuôi từ vùng đồng bằng sang các vùng bán sơn địa, vùng miền núi.

- Phát triển các lĩnh vực kinh tế thủy sản có trọng tâm, hợp lý, bền vững, hiệu quả với cơ cấu sản phẩm đa dạng, ưu tiên các lĩnh vực nhiều lợi thế để thực sự trở thành trung tâm sản xuất giống, thức ăn, khoa học công nghệ, chế biến, xuất khẩu thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá của vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Các lĩnh vực trọng điểm trong thủy sản là cá ngừ đại dương, tôm hùm.

- Tập trung sản xuất thâm canh các đối tượng nuôi chủ lực (tôm thẻ chân trắng, tôm sú, tôm hùm, cá biển). Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vùng nuôi thâm canh ở khu vực ven biển huyện Đông Hòa, thị xã Sông Cầu và huyện Tuy An. Tập trung khai thác thủy sản xa bờ theo hướng khai thác các đối tượng có giá trị kinh tế cao, thị trường tiêu thụ tốt như cá ngừ đại dương, cá ngừ vằn, cá thu...

- Phát triển lâm nghiệp nhằm tăng giá trị kinh tế ngành. Quản lý sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên, thay thế các diện tích kém hiệu quả bằng rừng trồng có năng suất cao. Phát triển lâm nghiệp toàn diện từ quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 287.900 ha đất đã quy hoạch lâm nghiệp. Hoàn thiện việc giao rừng và đất lâm nghiệp cho các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội và hộ gia đình, cá nhân, nhằm sử dụng có hiệu quả diện tích đất lâm nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật sản xuất muối sạch kết tinh với diện tích 220 ha, sản lượng khoảng 35.000 tấn/năm.

- Phát triển sản xuất và dịch vụ ở nông thôn để tạo điểm nhấn đột phá trong xây dựng xã nông thôn mới; mở rộng đào tạo, dạy nghề; tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn, kết nối với các trung tâm cụm, xã, đô thị trong tỉnh.

4. Các lĩnh vực xã hội

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề theo hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó tập trung mở rộng sản xuất kinh doanh các ngành nghề thu hút tạo việc làm cho lao động xã hội, tích cực tham gia thị trường lao động xuất khẩu.

- Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW. Tập trung quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống trường lớp một cách hợp lý; đảm bảo tốt các điều kiện dạy học. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở tất cả các ngành học, cấp học theo hướng tiếp cận với trình độ tiên tiến, phục vụ thiết thực cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, góp phần đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát triển giáo dục mũi nhọn tạo tiền đề để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Giải quyết xong tình trạng trường, lớp xuống cấp, ưu tiên giải quyết trước cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và các xã khó khăn.

- Xây dựng mạng lưới khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng và phòng bệnh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; từng bước hiện đại, đồng bộ, hoàn chỉnh từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao chất lượng dịch vụ khám, điều trị ngang tầm với các tỉnh trong khu vực. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề và ý thức cho đội ngũ y, bác sĩ. Tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa. Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân, nhất là miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ưu tiên đầu tư giữ gìn và phát huy các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn và đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thư viện, khuyến khích thư viện tư nhân hoạt động phục vụ cộng đồng. Chú trọng việc bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa các dân tộc; đầu tư tôn tạo, khai thác các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh cấp quốc gia trên địa bàn. Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể dục thể thao quần chúng, giáo dục thể chất và thể thao trường học góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương. Chú trọng đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội đầu tư cho phát triển thể dục, thể thao.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội. Phấn đấu giai đoạn 2016 - 2020, bình quân mỗi năm giảm từ 2 - 2,5% hộ nghèo, hạn chế tái nghèo, nâng cao chất lượng sống của các hộ đã thoát nghèo. Nâng cao mức sống hộ gia đình người có công. Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội; đảm bảo thực hiện các quyền trẻ em và thực hiện bình đẳng giới. Phòng ngừa, giảm phát sinh mới tệ nạn ma túy, nghiện ma túy dưới mọi hình thức, góp phần bảo đảm trật tự, an sinh xã hội.

- Rà soát, sắp xếp gắn với đổi mới cơ chế hoạt động theo hướng tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

- Về đường bộ: Hoàn thiện hệ thống mạng lưới quốc lộ, đường tỉnh, trạm dừng nghỉ, bãi đỗ xe. Cải tạo, nâng cấp các đầu mối giao thông đảm bảo nhu cầu giao lưu thông suốt.

- Về đường biển: Đầu tư nâng cấp các cảng biển theo điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, được phê duyệt tại Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Nghiên cứu phát triển thêm các tuyến hàng hải ven bờ.

- Về đường không: Tiếp tục đầu tư nâng cấp kỹ thuật sân bay Tuy Hòa. Nâng tần suất bay và mở thêm các tuyến bay mới từ sân bay Tuy Hòa đi các tỉnh trong nước.

- Về đường sắt: Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải rà soát, đề xuất điều chỉnh quy hoạch phát triển đường sắt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Thông tin truyền thông

Phát triển bưu chính theo hướng cơ giới hoá, tự động hoá, tin học hoá. Nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông với công nghệ tiên tiến, có độ bao phủ rộng khắp, dung lượng lớn, cung cấp đa dịch vụ với chất lượng tốt và hiệu quả cao. Đưa viễn thông và Internet trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp ngày càng nhiều cho tăng trưởng kinh tế, tạo nhiều việc làm cho xã hội. Đây mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó tập trung ưu tiên cho việc ứng dụng và phát triển chính quyền điện tử, thương mại điện tử tại địa phương.

c) Hệ thống cấp điện

Cải tạo hệ thống lưới điện và làm mới các đường dây trung thế, hạ thế; bảo đảm an toàn, giảm tổn thất trên lưới.

d) Hệ thống thủy lợi và cấp nước sinh hoạt

- Đầu tư công trình thủy lợi theo hướng đa chức năng, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cung cấp nước sinh hoạt và công nghiệp. Ưu tiên đầu tư các công trình: Dự án hồ chứa nước Mỹ Lâm (Tây Hòa), Lỗ Ân (thành phố Tuy Hòa), Lỗ Chài, Suối Cái (Phú Hòa). Thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp các dự án an toàn hồ chứa, hệ thống kênh mương. Tăng cường đầu tư hệ thống kè biển Tuy An, Sông Cầu; kè sông huyện Đồng Xuân, Phú Hòa, Tây Hòa...

- Khai thác hợp lý các công trình cấp nước hiện có. Bảo vệ nguồn nước và sử dụng hợp lý nguồn nước.

d) Thu gom và xử lý nước thải, chất thải

Triển khai các chương trình giảm thiểu lượng chất thải phát sinh, tăng cường tái chế và tái sử dụng. Thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế, chất thải rắn công nghiệp để xử lý riêng. Giai đoạn từ nay đến năm 2020, xây dựng 01 khu liên hợp xử lý chất thải rắn và 03 bãi chôn lấp hợp vệ sinh.

e) Phát triển khoa học công nghệ

Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ các ngành, các cấp. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, đến năm 2030 có một số lĩnh vực đạt trình độ ngang bằng các tỉnh phát triển trong nước; cơ bản đáp ứng các yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

g) Định hướng sử dụng đất

- Khai thác tối đa quỹ đất chưa sử dụng vào mục đích sản xuất nông - lâm nghiệp và phi nông nghiệp. Quản lý và sử dụng đất phải theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Đảm bảo bố trí đủ quỹ đất sử dụng cho mục đích xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển khu dân cư, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh trên cơ sở chuyển đổi mục đích và điều chỉnh những bất hợp lý trong sử dụng đất.

h) Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững

Không ngừng bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe của nhân dân, bảo đảm sự phát triển bền vững trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa tỉnh Phú Yên. Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững; chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh.

i) Quốc phòng - an ninh

Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ, ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ, các công trình lưỡng dụng để vừa phục vụ phát triển

kinh tế - xã hội, phục vụ dân sinh trong thời bình, sẵn sàng phục vụ nhiệm vụ phòng thủ dân sự hoặc khi có chiến tranh xảy ra. Huy động sức mạnh toàn xã hội xây dựng thế trận lòng dân ngày càng vững chắc bảo vệ tổ quốc, bảo đảm trật tự an toàn xã hội tại địa phương, nhất là các khu vực trọng điểm, vùng miền núi và ven biển; giữ môi trường hòa bình, chính trị ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường đầu tư các nguồn lực cho các lực lượng chức năng quản lý, bảo vệ và thực thi pháp luật trên biển; bảo đảm an ninh, trật tự, giữ vững chủ quyền quốc gia tại vùng biển, đảo; chú trọng thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ ngư dân bám biển. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các lực lượng trọng yếu làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới.

V. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

1. Tổ chức không gian theo tiêu vùng

- Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng đảm bảo sự liên kết giữa các vùng trong phát triển, trong đó vùng ven biển là vùng động lực tạo đột phá cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tăng cường hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành trong nước; phối hợp với Bình Định và Khánh Hòa hình thành các vùng kinh tế động lực Nam Bình Định - Bắc Phú Yên, Bắc Khánh Hòa - Nam Phú Yên; hình thành các hành lang kinh tế quốc lộ 25, quốc lộ 29, quốc lộ 19C, đường Trường Sơn với các tỉnh Tây Nguyên, kết nối khu vực Đông Bắc Campuchia và Nam Lào, trong đó địa bàn Phú Yên là một trong các cửa mở ra biển Đông cho các tỉnh Tây Nguyên.

- Vùng biển và ven biển: Đây là vùng có tiềm năng phát triển lớn, là đầu tàu lôi kéo phát triển kinh tế tỉnh Phú Yên. Do đó cần tập trung xây dựng vùng biển và ven biển có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, là khu vực kinh tế đa ngành, đa chức năng. Xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên trở thành một trong những trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; xây dựng khu du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài có thương hiệu và dịch vụ hàng đầu; thu hút đầu tư vào các địa điểm tiềm năng như khu vực Vũng Rô trở thành điểm du lịch mang đẳng cấp quốc tế. Hoàn thành tuyến đường ven biển và các tuyến đường nối từ quốc lộ 1A đến các bãi ngang ven biển. Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền, an ninh trên biển.

- Vùng đồng bằng: Là vùng có quỹ đất bằng khá lớn cho sản xuất nông nghiệp. Hình thành các vùng sản xuất tập trung lúa, mía cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ, nâng cấp hệ thống thủy lợi, giao thông. Phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến quy mô vừa và nhỏ với trình độ công nghệ phù hợp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, phát triển dịch vụ, làm vệ tinh cho xí nghiệp lớn, tạo việc làm tại chỗ cho người lao động. Tích cực kêu gọi đầu tư và phát huy hiệu quả Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

- Vùng miền núi: Khuyến khích các thành phần kinh tế và người dân trồng rừng sản xuất kết hợp với bảo vệ rừng tự nhiên; xây dựng các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, công nghiệp chế biến nông lâm sản; phát triển kinh tế trang trại; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp sản xuất vườn đồi, vườn rừng với quy mô thích hợp. Phát triển mạnh du lịch miền núi gắn liền với văn hóa các dân tộc, cảnh quan thiên nhiên. Từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số, giữ vững quốc phòng - an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển Sơn Long - trung tâm vùng cao nguyên Vân Hòa trở thành trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng, hội nghị, hội thảo của Tỉnh gắn với di tích lịch sử nhà thờ Bác Hồ, hội trường mùa Xuân.

2. Tổ chức các không gian chức năng

Tổ chức không gian tỉnh Phú Yên theo ba trọng điểm và hai hành lang phát triển, một vành đai phụ trợ như sau:

a) Ba trọng điểm phát triển: Cụm du lịch - dịch vụ phía Đông Bắc; Cụm đô thị - dịch vụ trung tâm; Cụm công nghiệp - dịch vụ phía Đông Nam.

b) Hai hành lang động lực, một vành đai phụ trợ: hành lang ven biển Bắc - Nam; hành lang Đông - Tây và vành đai phụ trợ lấy tỉnh lộ 642 là trục phát triển chủ đạo.

3. Điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện

Thành lập một huyện mới tại khu vực cao nguyên Vân Hòa trên cơ sở các xã: An Xuân, An Lĩnh và An Thọ (Tuy An) và Sơn Long, Sơn Định và Sơn Xuân (Sơn Hòa).

4. Tổ chức hệ thống đô thị

Đến năm 2020, hệ thống đô thị tỉnh gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Tuy Hòa); 01 đô thị loại III (thị xã Sông Cầu); 02 đô thị loại IV (Đông Hòa, Củng Sơn); 07 đô thị loại V (Chí Thạnh, La Hai, Hai Riêng, Phú Hòa, Phú Thứ, An Mỹ và Vân Hòa).

VI. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VII. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về vốn đầu tư

a) Đối với nguồn vốn nhà nước

- Ngân sách trung ương: Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương trong công tác quy hoạch ngành, vùng để đảm bảo sự thống nhất. Phối hợp chuẩn bị thủ tục và triển khai tốt công tác giải phóng mặt bằng tại địa phương để tạo thuận lợi cho các bộ, ngành triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn bám sát quy hoạch, kế hoạch, thứ tự ưu tiên, nhu cầu cấp bách cũng như đảm bảo tính lâu dài. Phối hợp tốt về thông tin, kế hoạch, chương trình xúc tiến đầu tư với các bộ, ngành trung ương, chủ động tiếp xúc, vận động các nhà tài trợ lớn để tranh thủ các nguồn vốn ODA, trong đó chú trọng vận động tài trợ các dự án trọng điểm như xây dựng hạ tầng về giao thông, thủy lợi, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Ngân sách địa phương: Quản lý tốt các nguồn thu hiện có, rà soát đảm bảo không để sót các nguồn thu theo quy định; bố trí cơ cấu đầu tư hợp lý đảm bảo nhu cầu phát triển.

- Vốn tín dụng nhà nước: Quản lý có hiệu quả các nguồn tín dụng nhà nước để thực hiện các chính sách xã hội của Nhà nước trên địa bàn. Tạo điều kiện để quỹ đầu tư phát triển huy động các nguồn vốn hợp pháp, tập trung hỗ trợ tín dụng đầu tư cho các dự án theo chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh.

- Vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư phát triển những lĩnh vực đang sản xuất kinh doanh có hiệu quả theo yêu cầu và lộ trình tái cơ cấu của doanh nghiệp. Hỗ trợ, tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, chuyển dịch đầu tư sang các lĩnh vực có nhiều tiềm năng phát triển, phù hợp với điều kiện năng lực của doanh nghiệp nhà nước.

b) Đối với vốn đầu tư ngoài Nhà nước

Đẩy mạnh đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng. Tăng cường xúc tiến thu hút một số doanh nghiệp có nguồn tài chính mạnh đầu tư tại tỉnh. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả cơ chế hỗ trợ, thu hút vốn đầu tư để xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện và khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn.

c) Đối với nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư để thu hút các nguồn vốn FDI theo hướng làm tốt công tác quy hoạch ngành nghề, địa bàn và xác định đối tác thu hút đầu tư, chủ động giới thiệu tiềm năng trên các lĩnh vực và địa bàn cần thu hút đầu tư trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông qua các bộ, ngành trung ương để tham gia xúc tiến đầu tư tại các quốc gia.

2. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế của địa phương, đảm bảo các quyền của công dân, phù hợp pháp luật. Có chính sách khuyến khích mạnh để thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp hỗ trợ; tăng cường liên kết giữa các tập đoàn đa quốc gia và doanh nghiệp trong nước trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Triển khai hiệu quả chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ đối với đội ngũ chuyên gia, nhà quản lý giỏi, những người thật sự có tài năng trên các lĩnh vực tỉnh đang cần. Tăng cường đào tạo; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trong bộ máy hành chính các cấp. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh để đáp ứng xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của cả nước.

4. Giải pháp về khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản

Hình thành và phát triển Quỹ khoa học công nghệ tỉnh; tăng dần tỷ lệ việc thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ và khoán kinh phí theo kết quả đầu ra; chú trọng công tác bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

5. Liên kết, hợp tác phát triển giữa tỉnh Phú Yên với các địa phương trong nước và khu vực

Tăng cường liên kết hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực thu hút đầu tư; trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao; thương mại, dịch vụ và du lịch; đào tạo nguồn nhân lực; phát triển y tế. Đẩy mạnh liên kết phát triển với các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, đặc biệt là phối hợp với Bình Định và Khánh Hòa hình thành các vùng kinh tế động lực Nam Bình Định - Bắc Phú Yên, Bắc Khánh Hòa - Nam Phú Yên. Phối hợp với tỉnh Đắk Lắk, Bộ Giao thông vận tải nâng cấp quốc lộ 29, hình thành hành lang kinh tế, kết nối với khu vực Đông Bắc Campuchia, Nam Lào.

6. Giải pháp về hội nhập quốc tế

Tích cực, chủ động, thích ứng với điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Tận dụng thời cơ, điều kiện trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế để thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn nước ngoài, các nhà đầu tư lớn, có công nghệ cao, công nghệ nguồn; mở rộng và đa dạng hóa các thị trường xuất, nhập khẩu. Làm tốt thông tin đối ngoại; chủ động nắm bắt thông tin thị trường, kịp thời hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển thương hiệu; thúc đẩy xuất khẩu.

7. Cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Tăng cường cải cách hành chính, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và công dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, từng bước triển khai xây dựng chính quyền điện tử.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong Điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

- Lập kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành; trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

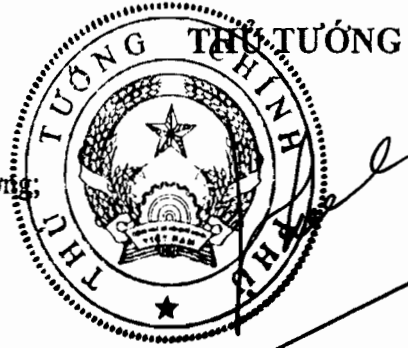
2. Giao các bộ, ngành liên quan trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên trong quá trình thực hiện quy hoạch; nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Yên trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nêu trong quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 122/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (3). *xh 205*



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN
Kèm theo Quyết định số 665/QĐ-TTg
ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên chương trình, dự án
I	CÁC DỰ ÁN CƠ SỞ HẠ TẦNG DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN
1	Đường sắt Tuy Hoà - Tây Nguyên
2	Đường sắt cao tốc Bắc Nam đoạn qua tỉnh
3	Nâng cấp hệ thống ga đường sắt Bắc Nam
4	Nâng cấp tuyến quốc lộ 25 qua tỉnh Phú Yên
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến quốc lộ 29
6	Hồ chứa nước Mỹ Lâm
7	Đầu tư cơ sở vật chất các cơ sở đào tạo của Trung ương trên địa bàn tỉnh
II	CÁC DỰ ÁN CƠ SỞ HẠ TẦNG DO TỈNH QUẢN LÝ
1	Tuyến đường bộ nối hai tỉnh Phú Yên và Gia Lai, đoạn trên địa phận tỉnh Phú Yên
2	Tuyên tránh trú bão Sông Cầu - Đồng Xuân (giai đoạn 2)
3	Đường Trần Phú nối dài đến quốc lộ 1 mới
4	Đường giao thông và cầu Xuân Lộc - Xuân Hải
5	Trung tâm dịch vụ tổng hợp giao thông vận tải
6	Hệ thống thoát lũ, bảo vệ dân cư dọc sông Ba, các huyện Tây Hòa, Đông Hòa, Phú Hòa và thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 2)
7	Hệ thống thoát lũ, bảo vệ dân cư dọc sông Kỳ Lộ, các huyện Đồng Xuân và Tuy An (giai đoạn 2)
8	Dự án Hệ thống kênh thoát lũ phía Nam khu công nghiệp Hoà Tâm
9	Dự án Hồ chứa nước Lỗ Chài
10	Dự án Hồ chứa nước Suối Cái
11	Dự án Kè chống xói lở ven bờ biển khu vực Xóm Rớ
12	Dự án kè biển Xuân Hải, An Chân, An Hòa, Xuân Hòa, Xuân Thịnh, Kè mở hàn số 8&9 Cảng cá phường 6
13	Dự án Nâng cấp, sửa chữa công trình chính trị cửa sông Đà Nông
14	Đường và kè dọc bờ Bắc và Nam sông Ba
15	Tuyến đường nối quốc lộ 1A (Phú Khê) đi khu công nghiệp Hoà Tâm (Phước Tân)

TT	Tên chương trình, dự án
16	Tuyến đường nối quốc lộ 1A (tuyến tránh Phú Lâm) đến tuyến đường bộ ven biển (cầu Đà Nồng)
17	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phục vụ Khu công nghiệp Hòa Hiệp
18	Đầu tư phát triển khu công nghiệp công nghệ cao
19	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu phi thuế quan
20	Đầu tư phát triển khu nông nghiệp công nghệ cao Phú Yên
21	Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Đồng Bắc Sông Cầu
22	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi
23	Bệnh viện chuyên khoa Tâm thần
24	Nâng cấp Bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi tỉnh
25	Bệnh viện quân dân y tỉnh Phú Yên
26	Nâng cấp, mở rộng Trường Đại học Phú Yên
27	Xây dựng cơ sở 2 - Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên
28	Trường Trung cấp nghề thanh niên dân tộc Phú Yên
29	Trường chuyên Lương Văn Chánh
30	Dự án ký túc xá sinh viên
31	Trung tâm nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần tỉnh Phú Yên
32	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Phú Yên
33	Nâng cấp Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội
34	Đầu tư khu đa năng liên hợp thể dục thể thao phục vụ cho các sự kiện Văn hóa, thể thao và du lịch
35	Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa
36	Dự án Khu phức hợp cao cấp An Bình Thạnh
37	Bãi rác tập trung và nhà máy xử lý rác thải Đông Hòa
38	Nhà máy rác thải thị xã Sông Cầu
III	CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH (Nguồn vốn của các thành phần kinh tế, FDI...)
1	Dự án cảng Bãi Góc
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hòa Tâm
3	Nâng cấp cảng Vũng Rô tiếp nhận tàu 10.000DWT
4	Dự án Khu đô thị dịch vụ ven biển
5	Hạ tầng du lịch Gành Đá Đĩa (khu Di tích thắng cảnh cấp Quốc gia)
6	Cảng du lịch Vịnh Xuân Đài
7	Đầu tư phát triển Khu sản xuất muối tập trung
8	Phát triển đàn bò sữa và xây dựng nhà máy chế biến sữa
9	Phát triển vùng nguyên liệu dừa và xây dựng nhà máy chế biến dừa
10	Đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá
11	Đầu tư nhà máy thu mua, chế biến và xuất khẩu cá ngừ đại dương

TT	Tên chương trình, dự án
12	Nhà máy đóng sửa chữa tàu thuyền
13	Đầu tư nhà máy chế biến gạo hàng hóa
14	Nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm
15	Khu du lịch sinh thái hồ thủy điện Sông Hinh
16	Khu du lịch sinh thái hồ thủy điện Sông Ba Hạ
17	Khu du lịch sinh thái tắm khoáng bùn kết hợp nghỉ dưỡng, chữa bệnh Lạc Sanh
18	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng suối nước khoáng Phú Sen
19	Tổ hợp thể thao giải trí nghỉ dưỡng biển cao cấp Vịnh Xuân Đài - Từ Nham - Gành Đá Đĩa
20	Cụm du lịch sinh thái Đông Hòa
21	Khu công nghệ tập trung tỉnh Phú Yên
22	Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hoà
23	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản, gia súc, gia cầm xuất khẩu
24	Dự án nhà máy điện gió
25	Dự án trường đua ngựa Phú Yên có hoạt động kinh doanh cá cược đua ngựa, đua chó tại xã An Mỹ, huyện Tuy An
26	Dự án nhà máy điện mặt trời Hoà Hội tại huyện Phú Hoà

Ghi chú: Về vị trí, quy mô diện tích chiếm đất và tổng mức đầu tư của các dự án trong phụ lục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.